

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/DS-ST

Ngày 25/7/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Miên;** Ông **Đinh Văn Lộc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Trung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Trọng T**, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *(có mặt)*

- Bị đơn: Ông **Bùi Huy D** và bà **Nguyễn Thị P**, Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *(đều có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trương Trọng T trình bày:

Căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đã cho hộ bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D vay 2 khoản, hình thức vay tín chấp, cụ thể như sau:

Khoản 1: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đã cho hộ bà P vay số tiền 16.000.000đ, tại Hợp đồng vay số SV0115031301 (Nay là số: 6000004200142707), chương trình vay học sinh sinh viên, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn: 0,845%/tháng, thời hạn vay: 30 tháng; Ngày giải ngân: 15/3/2013; Kỳ hạn trả

nợ: 6 tháng/lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/12/2016. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí cho con học tập.

Khoản 2: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đã cho hộ bà P vay số tiền 20.000.000đ tại Hợp đồng vay số 6600000703285590, chương trình cho vay giải quyết việc làm, lãi suất 0,6%/tháng, lãi suất quá hạn: 0,78%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng, Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; Ngày giải ngân: 17/12/2014; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/12/2017, lãi tiền vay định kỳ trả vào ngày 15 hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Trồng hồ tiêu.

Ngày 05/12/2016, khoản vay chương trình học sinh, sinh viên của bà Nguyễn Thị P đến hạn trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị P chưa trả được nợ và xin Phòng gia dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ gia hạn nợ số tiền 16.000.000đ. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đã tạo điều kiện gia hạn số tiền trên đến ngày 05/5/2017 nhưng bà P vẫn không trả nợ.

Ngày 15/5/2017, số tiền 16.000.000đ đã chuyển sang nợ quá hạn. Đến ngày 02/3/2018, bà P đã trả được số tiền 7.170.741đ, còn nợ lại số tiền 8.829.259đ nợ gốc.

Khoản vay chương trình giải quyết việc làm 20.000.000đ của bà P vay về sử dụng sai mục đích, không thực hiện trả nợ theo phân kỳ. Đến ngày trả nợ cuối cùng, bà P không có tiền để trả nợ và xin Ngân hàng gia hạn nợ, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bà P gia hạn nợ nhưng đến nay bà P vẫn không trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ. Đến ngày 27/6/2019, số tiền vay 20.000.000đ chuyển sang nợ quá hạn.

Tuy số tiền gốc của cả 02 khoản vay đến nay bà P, ông D chưa trả hết, nhưng tiền lãi bà P, ông D vẫn trả đầy đủ, ngày 15/7/2019 bà P, ông D trả tiếp tiền lãi cho 02 khoản vay 235.000đ.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai là:

+ Khoản vay học sinh sinh viên: Nợ gốc: 8.829.259đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2019) là 25.330đ.

+ Khoản vay chương trình giải quyết việc làm: Nợ gốc: 20.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2019) là 52.998đ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Tôi và ông Bùi Huy D có quan hệ là vợ chồng. Tôi công nhận vợ chồng tôi có vay tiền chương trình học sinh, sinh viên tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 16.000.000đ và vay 20.000.000đ tiền chương trình giải quyết việc làm theo đúng như các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai và đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

Sau khi vay tiền của Ngân hàng, đối với khoản vay chương trình học sinh sinh viên thì ngày 02/3/2018, tôi đã trả cho Ngân hàng được số tiền 7.170.741đ, còn nợ lại số tiền 8.829.259đ nợ gốc.

Còn khoản vay chương trình giải quyết việc làm thì vợ chồng tôi vẫn chưa trả được cho Ngân hàng theo đúng cam kết.

Ngày 15/7/2019, vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng 235.000đ tiền lãi suất của 02 khoản vay trên.

Như vậy, vợ chồng tôi còn nợ ngân hàng số tiền là:

+ Khoản vay học sinh sinh viên: Nợ gốc: 8.829.259đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2019)

+ Khoản vay chương trình giải quyết việc làm: Nợ gốc: 20.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2019)

Tổng cộng nợ gốc cả hai khoản vay là: 28.829.259đ (Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín ngàn hai trăm năm mươi chín đồng) và nợ lãi phát sinh.

Hiện nay, điều kiện hoàn cảnh gia đình của chúng tôi rất khó khăn nên vợ chồng tôi đề nghị được trả số tiền nợ vay chương trình học sinh sinh viên là 8.829.259đ và nợ lãi vào ngày 31/12/2019. Còn số tiền nợ vay của chương trình giải quyết việc làm là 20.000.000đ nợ gốc và nợ lãi thì vợ chồng tôi xin được trả hết 1 lần vào ngày 30/6/2020.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Huy D trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị P có quan hệ là vợ chồng. Tôi công nhận lời trình bày của bà P là đúng sự thật. Số tiền vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ là nợ chung của vợ chồng tôi. Tôi nhất trí cùng với bà P liên đới trả nợ cho Ngân hàng theo quy định. Vợ chồng tôi công nhận hiện nay còn nợ 02 khoản vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 28.829.259đ (Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín ngàn hai trăm năm mươi chín đồng) và tiền lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện hoàn cảnh của vợ chồng tôi rất khó khăn nên tôi đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng tôi trả nợ như phương án trả nợ của vợ tôi trình bày.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ do đương sự giao nộp gồm:

- 01 Quyết định ủy quyền số: 26/QĐ-NHCS ngày 29/3/2019 (gốc)
- 01 Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 (phô tô)
- 02 Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (phô tô)
- 01 Sổ vay vốn (phô tô) -01 Sổ lưu tờ rời vay vốn (phô tô)
- 02 Giấy đề nghị vay vốn (phô tô)
- 02 Giấy xác nhận trường trung cấp nghề (phô tô)
- 04 Giấy đề nghị gia hạn nợ (phô tô) -01 Sổ lưu tờ rời vay vốn (phô tô)
- 01 Đơn tham gia dự án vay vốn (phô tô) -01 Giấy ủy quyền (phô tô)
- 02 Giấy Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (phô tô)
- 03 Biên bản làm việc ((bản gốc) -01 bản tự khai (bản gốc)

Tại phiên tòa: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

+ Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về tuân theo pháp luật tố tụng:Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về giải quyết nội Dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, buộc bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai tổng số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là: 28.829.259đ (Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín ngàn hai trăm năm mươi chín đồng) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

(Có văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên kèm theo hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thể hiện, bà Nguyễn Thị P ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam(Ngân hàng) bao gồm 02 khoản vay cụ thể:

-Khoản vay học sinh sinh viên Mã món vay SV0115031301 (Nay là mã món vay: 6000004200142707) với số tiền là 16.000.000đ; lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn: 0,845%/tháng, thời hạn vay: 30 tháng; Ngày giải ngân: Ngày 15/3/2013; Kỳ hạn trả nợ: 6 tháng/lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/12/2016.

-Khoản vay giải quyết việc làm theo Mã món vay số 6600000703285590 với số tiền 20.000.000đ; lãi suất 0,6%/tháng, lãi suất quá hạn: 0,78%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng; Ngày giải ngân: 27/12/2014; Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/12/2017.

Đây là các khoản vay của hộ gia đình, nên ông Bùi Huy D chồng bà P đã ủy quyền cho bà P ký hợp đồng vay. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng bà P và ông D không trả theo đúng thỏa thuận. Do đó Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà P trả hết nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận, nên xác định là quan hệ tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của Ngân hàng: Căn cứ vào hợp đồng vay của bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D đã ký kết, được tính ra cụ thể như sau:

-Đối với khoản vay học sinh sinh viên:

+Nợ gốc còn lại là: **8.829.259đ** .

+ Nợ tiền lãi đến ngày xét xử (25/7/2019) là: **25.330đ**

Tổng cộng: 8.854.589đ

-Đối với khoản vay giải quyết việc làm:

+ Nợ gốc là: **20.000.000đ**

+ Nợ tiền lãi đến ngày xét xử (25/7/2019) là: **52.998đ**

Tổng cộng: 20.052.998đ

Xét yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở và được chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, cần buộc bà P và ông D liên đới phải trả cho Ngân hàng tổng cộng nợ gốc và nợ lãi của 02 khoản vay đến ngày xét xử (25/7/2019) là:

$$8.854.589đ + 20.052.998đ = \mathbf{28.907.587đ}$$

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bà P và ông D liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước là: $28.907.587đ \times 5\% = \mathbf{1.445.379đ}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

1. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai các khoản nợ là:

+ Nợ gốc, và nợ lãi khoản vay học sinh sinh viên: **8.854.589đ**

(Tám triệu tám trăm năm mươi tư ngàn năm trăm tám mươi chín đồng) (trong đó nợ gốc: 8.829.259đ và nợ tiền lãi suất phát sinh trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) 25.330đ).

+ Nợ gốc, và nợ lãi khoản vay giải quyết việc làm: **20.052.998đ** (hai mươi triệu không trăm năm mươi hai ngàn chín trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc: 20.000.000đ và nợ tiền lãi suất phát sinh trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) 52.998đ).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc phải trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Huy D phải chịu **1.445.379đ**

(Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2019).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thanh